|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  Số: 550 /BC-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**Tiếp thu, giải trình kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến**

**thẩm tra của Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội đối với dự án**

**Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp**

Kính gửi: Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Trên cơ sở ý kiến kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 2832/TB-TTKQH ngày 02/10/2023 của Tổng Thư ký Quốc hội và ý kiến thẩm tra sơ bộ dự án Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (CNQP, AN và ĐVCN) của Ủy ban Quốc phòng và An ninh tại Báo cáo số 1372/BC-UBQPAN15 ngày 19/9/2023, Chính phủ báo cáo về việc tiếp thu, giải trình như sau:

# I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

# 1. Về sự cần thiết ban hành Luật và Hồ sơ dự án Luật

Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) và Ủy ban Quốc phòng và An ninh (UBQPAN) nhất trí sự cần thiết ban hành Luật CNQP, AN và ĐVCN và đánh giá cao Chính phủ đã trình hồ sơ dự án Luật cơ bản đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nhưng cần bổ sung đầy đủ dự thảo các văn bản quy định chi tiết các nội dung Luật giao.

Chính phủ xin tiếp thu và chỉ đạo Cơ quan soạn thảo bổ sung đầy đủ dự thảo các văn bản nói trên.

# 2. Về sự phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tính khả thi

## 2.1. UBTVQH, UBQPAN có ý kiến: Đề nghị rà soát các Nghị quyết của Đảng để thể chế hóa đầy đủ, toàn diện, cụ thể, khả thi quan điểm chỉ đạo về xây dựng, phát triển CNQP, AN và ĐVCN trong dự thảo Luật, tạo hành lang pháp lý vững chắc để đạt được các mục tiêu mà Nghị quyết của Đảng đề ra đến năm 2030 và các năm tiếp theo.

Chính phủ xin báo cáo như sau: Dự thảo Luật đã cơ bản thể chế hóa Nghị quyết Đại hội Đảng, nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII, các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết và Kết luận của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển CNQP, AN và ĐVCN[[1]](#footnote-1), cụ thể:

- Quan điểm xây dựng và phát triển CNQP, AN là nhiệm vụ cơ bản, vừa có ý nghĩa cấp bách trước mắt, vừa là nhiệm vụ chiến lược lâu dài, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự thống nhất quản lý của Nhà nước được thể chế hóa tại *khoản 1 Điều 4 về nguyên tắc xây dựng và phát triển CNQP, AN và ĐVCN*;

- Quan điểm xây dựng, phát triển CNQP, CNAN tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, gắn kết chặt chẽ và trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia, kết hợp với chủ động hội nhập quốc tế, trong đó nội lực là yếu tố quyết định; tận dụng và phát triển liên kết CNQP, AN và công nghiệp dân sinh, … được thể chế hóa trong các quy định tại: Khoản 4 Điều 4, khoản 3 Điều 6 và các Điều 8, 18, 20, 23, 29, 32, 55, 59, … dự thảo Luật;

- Quan điểm chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn lực khoa học và công nghệ (KHCN) phục vụ cho CNQP, AN với các cơ chế ưu tiên, khuyến khích, thu hút đội ngũ nhân lực chất lượng cao, các ưu đãi trong hoạt động KHCN được thể chế hóa tại Điều 17, 18, 19, 20, 50, 51 và Điều 55 dự thảo Luật.

Tiếp thu ý kiến, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Cơ quan soạn thảo rà soát, thể chế hóa tối đa các quan điểm của Đảng có liên quan tại dự thảo Luật.

## 2.2. UBTVQH, UBQPAN có ý kiến: Đề nghị tiếp tục rà roát, hoàn thiện nội dung dự thảo Luật bám sát các chính sách xây dựng luật, kế thừa các quy định hợp lý của pháp luật hiện hành; rà soát với các luật đã ban hành và các dự án Luật đang được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để xác định cụ thể các nội dung chưa phù hợp và đề xuất phương án xử lý, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Chính phủ tiếp thu và xin làm rõ thêm như sau:

Bộ Quốc phòng là cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, liệt kê các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới cho phù hợp với dự án Luật. Tiếp thu ý kiến trên, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Cơ quan soạn thảo rà soát kỹ lưỡng để Luật hóa tối đa những quy định còn phù hợp tại các văn bản dưới luật; đồng thời, rà soát các Luật khác có liên quan, cũng như các Luật mới được sửa đổi, bổ sung năm 2023 như Luật Đấu thầu, Luật Giá, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và Luật Phòng thủ dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân (năm 2023),… hoặc các dự án Luật trình Quốc hội thông qua Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (như: Luật Đất đai (sửa đổi); Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự;... ), làm cơ sở chỉnh lý, bổ sung các quy định của dự thảo Luật, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tương thích với các chính sách khi đề nghị xây dựng Luật.

# 3. Về bố cục của dự thảo Luật

## **3.1.** UBTVQH và UBQPAN có ý kiến: Đề nghị nghiên cứu thêm những nội dung có thể giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm linh hoạt, chủ động, bảo mật; đồng thời, chỉ nên quy định viện dẫn đối với những nội dung đã có trong các luật chuyên ngành khác như Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Bộ luật Lao động, các luật về thuế, Luật Phí và lệ phí, Luật Đất đai, Luật Nhà ở,…

Chính phủ xin tiếp thu và chỉ đạo Cơ quan soạn thảo rà soát chỉ quy định mang tính nguyên tắc trong dự thảo Luật và giao Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung tại các Điều 18, 19, 47, 51, 52; đồng thời, viện dẫn thực hiện theo những quy định đã có các luật khác điều chỉnh[[2]](#footnote-2).

## **3.2.** UBQPAN và UBTVQH có ý kiến: Đề nghị nghiên cứu, hoàn thiện các quy định chung về CNQP, AN và ĐVCN và những quy định riêng, cụ thể về 03 lĩnh vực này.

Chính phủ xin tiếp thu và giải trình như sau:

Cơ chế, chính sách cho CNQP, CNAN được quy định tại các Chương, Điều về CNQP, AN (Chương II, Chương IV, Chương V) đảm bảo vừa có cơ chế, chính sách chung, vừa có cơ chế, chính sách riêng phù hợp với đặc thù của mỗi lĩnh vực. Ngoài ra, CNQP và CNAN có các quy định riêng về nội dung quản lý sản xuất và nguyên tắc tổ chức (Mục 2, Mục 4 và Mục 5 Chương II). Đối với ĐVCN có những quy định chung với CNQP, AN (Điều 3, Điều 4, Điều 5) và những quy định riêng (Chương II từ Điều 33 đến Điều 46, Điều 49, Điều 52).

Tiếp thu ý kiến trên, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát theo hướng: (1) đối với những cơ chế, chính sách nhằm giải quyết những bất cập, vướng mắc chung trong thực tiễn thời gian qua của cả 02 lĩnh vực (CNQP, CNAN) thì sẽ quy định chung tại dự thảo Luật; (2) đối với những cơ chế, chính sách đang giải quyết những bất cập, vướng mắc chỉ mới xuất hiện trong lĩnh vực CNQP, mà dự báo trong lĩnh vực CNAN cũng sẽ gặp phải trong quá trình xây dựng và phát triển thì tách thành điều, khoản dẫn chiếu đến các cơ chế, chính sách này.

# II. VỀ NHỮNG NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA DỰ THẢO LUẬT

# 1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

UBQPAN có ý kiến: *Đề nghị chỉnh lý lại Điều này để bao quát được những nội dung cơ bản của dự thảo Luật, tránh chồng chéo với các luật khác.*

Chính phủ tiếp thu bỏ cụm từ *“chức năng”* và chỉnh lý quy định tại Điều 1 như sau: *“Luật này quy định về vị trí, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức, hoạt động,* ***chế độ****, chính sách* ***và nguồn lực*** *phát triển CNQP, AN và ĐVCN; chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan”.*

# 2. Về giải thích từ ngữ (Điều 2)

## **2.1.** UBQPAN có ý kiến: Đề nghị làm rõ lý do tại khoản 1 bổ sung nội dung “tăng hạn sử dụng vũ khí và dịch vụ khác phục vụ QPAN” khác so với khoản 1 Điều 12 Luật Quốc phòng; làm rõ nội hàm cụm từ “dịch vụ phục vụ QPAN”; đồng thời, đề nghị bãi bỏ khoản 1 Điều 12 Luật Quốc phòng nếu sử dụng khái niệm này; có ý kiến đề nghị thay từ “bộ phận” bằng từ “ngành”, theo đó quy định: “CNQP, AN là ngành công nghiệp quốc gia…”.

Chính phủ xin giải trình như sau:

- Do Luật CNQP, AN và ĐVCN là luật chuyên ngành nên một số thuật ngữ sẽ được quy định chi tiết, cụ thể hơn so với Luật Quốc phòng năm 2018 (luật khung). Trong khái niệm “CNQP, AN” tại dự thảo Luật có bổ sung so với quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật Quốc phòng 03 cụm từ “phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ” để làm rõ hơn nhiệm vụ của CNAN, cụm từ “tăng hạn sử dụng” và cụm từ “dịch vụ” để làm rõ thêm nhiệm vụ của CNQP, AN đang thực hiện trong thực tiễn. Đối với đề nghị bãi bỏ khoản 1 Điều 12 Luật Quốc phòng, Chính phủ xác định sửa đổi khoản 1 Điều 12 Luật Quốc phòng để đảm bảo sự thống nhất của hệ thống pháp luật. Cụ thể: Tại Điều 72 dự thảo Luật, bổ sung khoản 4 như sau: “*4. Sửa đổi khoản 1 Điều 12 Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14:*

*“Điều 12. Công nghiệp quốc phòng, an ninh*

*1. Công nghiệp quốc phòng, an ninh là bộ phận của công nghiệp quốc gia, một phần quan trọng của thực lực, tiềm lực quốc phòng, an ninh, là ngành đặc thù, có nhiệm vụ nghiên cứu phát triển, sản xuất, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa,* ***tăng hạn sử dụng******vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, vật tư kỹ thuật và các sản phẩm, dịch vụ khác phục vụ quốc phòng, an ninh***”.

- Về các dịch vụ mà cơ sở CNQP, AN cung cấp phục vụ QPAN gồm hạ tầng an ninh mạng, hạ tầng viễn thông, chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin, lưu trữ dữ liệu, tư vấn chuyển giao công nghệ,… Một trong những cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN đang triển khai hiệu quả những dịch vụ này là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội (Bộ Quốc phòng) và Tổng công ty Gtel (Bộ Công an).

- Quy định “CNQP, AN là *bộ phận* của công nghiệp quốc gia” là phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng (trong đó xác định xây dựng CNQP, AN trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia), phù hợp với khoản 1 Điều 12 Luật Quốc phòng[[3]](#footnote-3) và thể hiện đúng mối quan hệ giữa CNQP, AN với công nghiệp quốc gia.

## **2.2.** UBQPAN có ý kiến: Tại khoản 2, đề nghị làm rõ “tổ chức” được huy động tham gia ĐVCN là tổ chức nào; cân nhắc cụm từ “được Nhà nước đầu tư” để bảo đảm tính chính xác, vì không phải cơ sở ĐVCN nào cũng được Nhà nước đầu tư; đề nghị chỉnh lý khoản này như sau: “… hoặc cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài có tỷ lệ phần vốn góp không có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó” cho phù hợp với khoản 23, khoản 27 Điều 4 và Điều 25 Luật Doanh nghiệp.

Tiếp thu ý kiến, Chính phủ đề nghị bỏ cụm từ *“tổ chức”* và chỉnh lý khoản 2 như sau: *“Động viên công nghiệp là huy động một phần hoặc toàn bộ năng lực của doanh nghiệp ngoài lực lượng vũ trang thuộc mọi thành phần kinh tế, gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà cổ đông nước ngoài có tỷ lệ* ***phần*** *vốn góp không có* ***khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp*** *để sản xuất, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa, tăng hạn sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật, sản xuất vật tư kỹ thuật cho Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ.”.* Đồng thời, thay thế cụm từ *“được Nhà nước đầu tư”* bằng cụm từ *“được huy động”* tại khoản 5 Điều 2 và sửa lại như sau: “*Cơ sở công nghiệp động viên là doanh nghiệp ngoài lực lượng vũ trang được* ***huy động*** *thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp*”.

## **2.3.** UBQPAN có ý kiến: Đề nghị rà soát để phù hợp và thống nhất giữa nội hàm của khái niệm với nội dung các điều luật, như: Khái niệm cơ sở CNQP nòng cốt tại khoản 3 và quy định về cơ sở CNQP nòng cốt tại điểm a khoản 2 Điều 26; khái niệm cơ sở CNAN tại khoản 4 và quy định về cơ sở CNAN tại khoản 2 Điều 30.

Tiếp thu ý kiến trên, Chính phủ đã chỉ đạo Cơ quan soạn thảo rà soát và xin giải trình như sau: Khoản 3 và khoản 4 Điều 2 quy định về các nguồn lực, thẩm quyền, cơ quan quản lý, chức năng của cơ sở CNQP nòng cốt và cơ sở CNAN, còn điểm a khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 30 quy định về các loại hình cơ sở CNQP nòng cốt và các loại hình về cơ sở CNAN. Quy định tại các điều khoản này của dự thảo Luật là phù hợp với thực tế và thống nhất với nhau.

## **2.4.** UBQPAN có ý kiến: Đề nghị cân nhắc khái niệm “Cơ sở CNQP nòng cốt” tại khoản 3 và khái niệm “Cơ sở CNAN” tại khoản 4 chưa rõ là tổ chức hay doanh nghiệp, trong khi Luật Doanh nghiệp, Luật Đấu thầu không quy định về 02 loại hình này; đồng thời đề nghị làm rõ về hình thức tổ chức, hoạt động và quy định thống nhất với pháp luật có liên quan.

Chính phủ xin giải trình như sau: Các khái niệm “Cơ sở CNQP nòng cốt” và “Cơ sở CNAN” là rõ ràng về nội hàm, làm tiêu chí để xác định một tổ chức, doanh nghiệp là cơ sở CNQP nòng cốt hoặc là cơ sở CNAN. Hiện nay, có những cơ sở CNQP nòng cốt/cơ sở CNAN là doanh nghiệp, có những cơ sở CNQP nòng cốt/cơ sở CNAN là đơn vị sự nghiệp công lập. Hình thức tổ chức, hoạt động của mỗi cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN chịu sự chi phối bởi các quy định có liên quan tương ứng (tùy thuộc vào cơ sở đó là doanh nghiệp hay sự nghiệp công lập). Nội dung này là thống nhất với quy định của pháp luật có liên quan (Luật Doanh nghiệp, Luật Viên chức,...).

## **2.5.** UBQPAN có ý kiến: Đề nghị tại khoản 11 cân nhắc các khái niệm: “Công nghệ lưỡng dụng” và các chế định như: Cơ chế áp dụng, chính sách chuyển giao công nghệ lưỡng dụng, vì chưa được quy định tại Luật Khoa học và công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ.

Chính phủ xin giải trình như sau: Phát triển CNQP, CNAN theo hướng lưỡng dụng là chủ trương, quan điểm của Đảng. Vì vậy, dự thảo Luật quy định khái niệm về “công nghệ lưỡng dụng” và các chế định như: Cơ chế áp dụng, chính sách chuyển giao công nghệ lưỡng dụng là nhằm mục đích thể chế hóa chủ trương, quan điểm trên. Trong dự thảo có 09 lần sử dụng thuật ngữ này. Do đó, Chính phủ đề nghị quy định khái niệm này tại Điều 2 để đảm bảo tính tường minh của cụm từ này trong dự thảo Luật.

## **2.6**. UBQPAN có ý kiến: Cho rằng, tại khoản 13, cụm từ “sửa chữa, cải tiến, hiện đại hoá, tăng hạn sử dụng vũ khí…” không thuộc nội hàm “sản xuất”; đề nghị sửa cụm từ “sản xuất QPAN” thành “sản xuất công nghiệp QPAN”.

Chính phủ xin giải trình như sau: Nội hàm cụm từ *“sản xuất”* theo nghĩa rộng bao hàm cả hoạt động sửa chữa, cải tiến, hiện đại hoá, tăng hạn sử dụng sản phẩm. Đồng thời, cụm từ “sản xuất quốc phòng” đã được sử dụng phổ biến trong các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành[[4]](#footnote-4). Vì vậy, để đảm bảo sự thống nhất sử dụng các thuật ngữ liên quan đến sản xuất quốc phòng, an ninh trong hệ thống pháp luật, Chính phủ đề nghị giữ nguyên thuật ngữ *“sản xuất quốc phòng, an ninh”* như trong dự thảo Luật.

## **2.7.** Về khái niệm “Tổng công trình sư” (khoản 22)

Thành viên của UBTVQH có ý kiến: *Đề nghị thay cụm từ “người thủ lĩnh” bằng cụm từ “người được giao chỉ đạo đề án, dự án” sẽ thông dụng và dễ hiểu hơn;* UBQPAN có ý kiến cho rằng*: khái niệm “Tổng công trình sư” chưa được đề cập rõ trong các văn bản quy phạm pháp luật, cần phân biệt với đối tượng “nhà khoa học đầu ngành” tại Điều 23 Luật Khoa học và công nghệ và một số điều của dự thảo Luật; do đó cần đưa ra những tiêu chí phù hợp thực tế, giải quyết những vướng mắc trên thực tế về chế độ, chính sách đối với đối tượng này, nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia vào lĩnh vực CNQP, AN.*

Chính phủ tiếp thu một phần và xin giải trình như sau:

- “*Tổng công trình sư*” là khái niệm mới nhằm thể chế hóa quan điểm của Đảng tại Nghị quyết Đại hội XIII và Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 26/01/2022. Quy định về tiêu chí chung Tổng công trình sư tại khoản 22 Điều 2 dự thảo Luật khác với tiêu chí *“Nhà khoa học đầu ngành”* tại Điều 23 Luật Khoa học và công nghệ. Để đảm bảo sự linh hoạt, khả thi, phù hợp thực tiễn khi áp dụng, Chính phủ đề nghị không quy định ngay trong dự thảo Luật mà giao cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định về tiêu chí cụ thể đối với chức danh Tổng công trình sư (khoản 4, khoản 5 Điều 51 dự thảo Luật).

- Về nội hàm “*Tổng công trình sư*” phải vừa là người đứng đầu dự án về mặt quản lý, vừa là người tiên phong, dẫn dắt về mặt chuyên môn khoa học công nghệ của đề án, dự án chế tạo tổ hợp/hệ thống vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ. Tiếp thu ý kiến, Chính phủ đề xuất thay cụm từ “thủ lĩnh” bằng cụm từ “*người chỉ đạo khoa học kỹ thuật, dẫn dắt*” tại khoản 22 Điều 2 dự thảo Luật, cụ thể: “*Tổng công trình sư là* ***người chỉ đạo khoa học kỹ thuật, dẫn dắt thực hiện*** *đề án, dự án chế tạo tổ hợp/hệ thống vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ mới, mang tính tích hợp hệ thống, phức tạp về mặt kỹ thuật công nghệ, có giá trị chiến lược về quân sự, quốc phòng, an ninh*”.

## **2.8.** UBQPAN có ý kiến: Đề nghị bổ sung nội dung giải thích một số khái niệm, như: Tổ hợp CNQP vì được nêu trong Nghị quyết số 08-NQ/TW; sản phẩm, dịch vụ khác phục vụ QPAN: “sản phẩm, dịch vụ phục vụ QPAN” có phải là sản phẩm, dịch vụ của ngành hậu cần quân đội không?

Chính phủ tiếp thu một phần và bổ sung tại khoản 23, khoản 24 Điều 2 dự thảo Luật 02 khái niệm cụ thể như sau: (1) ***Tổ hợp CNQP Việt Nam*** là tổng thể các thành tố chính trị, quốc phòng - an ninh, kinh tế, công nghiệp, khoa học công nghệ của quốc gia. Tham gia thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển tiềm lực CNQP. Tổ hợp CNQP Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng và sự quản lý của Nhà nước để gắn kết tiềm lực CNQP với lực lượng vũ trang và toàn bộ tiềm lực công nghiệp, khoa học công nghệ của đất nước trong quá trình nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí trang bị kỹ thuật và các sản phẩm lưỡng dụng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. (2) ***Tổ hợp CNQP công nghệ cao, lưỡng dụng*** là phương thức liên kết, hợp tác, phân công, chuyên môn hóa nhằm mục tiêu hình thành chuỗi giá trị sản xuất các sản phẩm QP, AN cụ thể hoặc trong một số lĩnh vực chuyên sâu về công nghệ quân sự, lưỡng dụng theo quy hoạch chung của tiềm lực CNQP của quốc gia. Mô hình, thành phần tổ chức, cá nhân tham gia các tổ hợp CNQP công nghệ cao, lưỡng dụng do Chính phủ quy định. Đồng thời, Chính phủ đề nghị không bổ sung khái niệm sản phẩm, dịch vụ khác phục vụ QPAN, nhưng xin làm rõ nội hàm khái niệm này như sau: Sản phẩm, dịch vụ phục vụ QPAN bao gồm sản phẩm, dịch vụ của ngành hậu cần quân đội, hậu cần công an và các sản phẩm, dịch vụ khác như dịch vụ hạ tầng an ninh mạng, hạ tầng viễn thông, chuyển đổi số, bảo đảm an ninh mạng an toàn thông tin, lưu trữ dữ liệu, tư vấn chuyển giao công nghệ,...

# 3. Về vị trí, nhiệm vụ của CNQP, CNAN và ĐVCN (Điều 3)

## **3.1.** Thành viên của UBTVQH và UBQPAN có ý kiến: Đề nghị làm rõ cụm từ “thành phần”; một số nhiệm vụ tại các điểm c, d, đ, e khoản 1 và khoản 2 giống nhau; CNQP có nhiệm vụ “Đào tạo phát triển nhân lực phục vụ CNQP” nhưng CNAN không có nhiệm vụ này; các nhiệm vụ về đào tạo nguồn nhân lực, hợp tác quốc tế là các hoạt động cụ thể không nên quy định ở Điều này; đề nghị làm rõ “các nhiệm vụ khác” để đảm bảo sự tương thích với các chính sách mới, đặc thù, có tính ưu tiên về CNQP, AN.

Chính phủ xin tiếp thu và báo cáo làm rõ như sau:

- Thuật ngữ “thành phần” được dùng để chỉ rõ vị trí và mối quan hệ giữa CNQP, CNAN, xác định “CNQP, AN” được cấu thành bởi CNQP và CNAN.

- Khoản 1 và khoản 2 Điều 3 quy định về các nhiệm vụ cụ thể của CNQP, CNAN. Tiếp thu ý kiến, Chính phủ đã bổ sungnhiệm vụ “Đào tạo phát triển nhân lực phục vụ công nghiệp an ninh” vào khoản 2 Điều 3 cho đầy đủ.

- Về nội hàm của cụm từ “các nhiệm vụ khác” trong CNQP, CNAN là các nhiệm vụ theo tình huống mà Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an giao cho CNQP, CNAN triển khai để phục vụ quốc phòng, an ninh và đời sống xã hội của đất nước. Ví dụ trong đợt dịch COVID-19 vừa qua, CNQP được giao sản xuất các phương tiện phòng chống dịch như robot, lò hỏa táng di động,…

## **3.2.** UBQPAN có ý kiến: Điều 3 chỉ tập trung làm rõ nhiệm vụ của CNQP và CNAN mà chưa làm rõ vị trí, chức năng của CNQP, CNAN nên đề nghị sửa lại tên điều khoản cho phù hợp hoặc bổ sung quy định về vị trí, chức năng của nền CNQP, CNAN cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh, đảm bảo sự logic, chặt chẽ.

Chính phủ đã chỉ đạo Cơ quan soạn thảo rà soát và xin báo cáo như sau: Vị trí của CNQP, CNAN đã được nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều 3: *“CNQP là thành phần của CNQP, AN” và “CNAN là thành phần của CNQP, AN”*; cùng với quy định tại khoản 1 Điều 2 “*CNQP, AN là bộ phận của công nghiệp quốc gia, một phần quan trọng của thực lực, tiềm lực quốc phòng, an ninh…*”, theo đó có thể xác định vị trí của CNQP, CNAN là một bộ phận quan trọng của công nghiệp quốc gia. Tại Điều 1 đã bỏ từ “chức năng” do đó không cần bổ sung quy định về chức năng của CNQP, AN tại điều này.

# 4. Về nguyên tắc xây dựng và phát triển CNQP, AN và ĐVCN (Điều 4)

## **4.1.** UBTVQH và UBQPAN có ý kiến: Đề nghị rà soát, chỉnh lý các quy định tại Điều này cho chặt chẽ, tránh chồng chéo giữa nguyên tắc và chính sách; nghiên cứu bổ sung 01 điều quy định về chính sách xây dựng, phát triển CNQP, AN và ĐVCN để thể chế những chủ trương, đường lối của Đảng về lĩnh vực này.

Tiếp thu ý kiến,Chính phủ đã chỉ đạo Cơ quan soạn thảorà soát kỹ Điều 4để chỉ quy định về nguyên tắc, đồng thời đề nghị cho bổ sung 01 Điều (Điều 5A) quy định chính sách của Nhà nước về xây dựng, phát triển CNQP, AN và ĐVCN để thể chế đầy đủ những chủ trương, đường lối của Đảng, theo đó chuyển khoản 3 và khoản 7 Điều 4 vào Điều này, như sau:

*“**Điều 5A. Chính sách của Nhà nước về xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp*

*1. Nhà nước có các cơ chế, chính sách đặc thù bảo đảm cho xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh, thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp; phù hợp với khả năng phát triển kinh tế của đất nước; bảo đảm bí mật, an toàn, hiệu quả và bảo vệ môi trường; kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với kinh tế; kinh tế với quốc phòng, an ninh.*

*2. Huy động tối đa nguồn lực của công nghiệp quốc gia phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.*

***3.******Củng cố, tăng cường, phát triển nền công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.***

***4. Thực hiện đối ngoại công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh phù hợp với đường lối đối ngoại quốc phòng, an ninh chủ động và tích cực hội nhập, mở rộng hợp tác quốc tế, đối ngoại công nghiệp quốc phòng, an ninh, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.***

***5. Phát triển khoa học và công nghệ để xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh hiện đại, lưỡng dụng, vừa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội vừa góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội.***

***6. Khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp****”.*

## **4.2.** UBQPAN có ý kiến: Khoản 6 là nguyên tắc rất đặc thù và là chủ trương trong xây dựng và phát triển CNQP, AN bảo đảm hiệu quả, tránh dàn trải, trùng lặp trong đầu tư, lãng phí nguồn lực, nhưng đề nghị phân định cụ thể hơn nhiệm vụ, thẩm quyền quyết định giữa hai cơ quan này và thể chế cụ thể nguyên tắc này trong dự thảo Luật; ý kiến khác cho rằng, cần chỉnh lý nguyên tắc này theo hướng: Kết hợp chặt chẽ, thống nhất, hiệu quả giữa CNQP và CNAN là đầy đủ.

Chính phủ xin báo cáo làm rõ như sau:

Việc phân định nhiệm vụ giữa CNQP và CNAN và thể chế cụ thể nguyên tắc này được thể hiện tại khoản 6, khoản 9 Điều 2 khái niệm về vũ khí trang bị kỹ thuật (do CNQP sản xuất), phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ (do CNAN sản xuất), khoản 1, khoản 2 Điều 3 quy định rõ nhiệm vụ của CNQP, nhiệm vụ của CNAN và khoản 8 Điều 62 và khoản 8 Điều 63 về Danh mục sản phẩm vũ khí quân dụng, vật liệu nổ quân dụng do Bộ Công an đặt hàng các cơ sở CNQP nòng cốt sản xuất. Tuy nhiên, vấn đề này sẽ tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung, chỉnh lý để làm rõ hơn.

# 5. Về các hành vi bị nghiêm cấm trong xây dựng và phát triển CNQP, AN và ĐVCN (Điều 5)

UBQPAN có ý kiến: *Đề nghị điểm a khoản 1 không quy định cụ thể các nội dung bí mật nhà nước bị cấm tiết lộ mà quy định ngắn gọn, khái quát về việc cấm tiết lộ bí mật nhà nước liên quan đến CNQP, AN và ĐVCN; bổ sung quy định cấm phân biệt đối xử về giới trong hoạt động CNQP, AN và ĐVCN.*

Chính phủ xin báo cáo như sau: Nếu không quy định cụ thể về các nội dung bí mật nhà nước cấm tiết lộ thì sẽ khó thực hiện. Do đó, Chính phủ đề nghị giữ nguyên như dự thảo nội dung điểm a khoản 1. Bên cạnh đó, tiếp thu ý kiến, Chính phủ đề nghị bổ sung hành vi cấm “***phân biệt đối xử về giới trong hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp***” tại Điều 5.

# 6. Về quản lý sản xuất quốc phòng, an ninh (Mục 2 Chương II)

## **6.1.** UBQPAN có ý kiến: Các quy định tại Mục này cần bám sát nội dung được giải thích ở Điều 2 về khái niệm “Sản xuất quốc phòng, an ninh”. Theo đó, khi đặt ra nhiệm vụ quản lý sản xuất quốc phòng, an ninh chính là việc quản lý các hoạt động nêu trên. Điều 11 quy định về 06 nội dung quản lý sản xuất quốc phòng, an ninh, tuy nhiên chủ yếu các quy định của Mục này chỉ tập trung vào việc xác định cơ chế giaonhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu đối với cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN, cơ sở ĐVCN, do đó, đề nghị xác định lại nội dung, phạm vi quy định của Mục này.

Chính phủ xin giải trình như sau: Nội hàm của Mục 2 Chương II tập trung làm rõ phương thức sản xuất quốc phòng, an ninh (giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu) làm cơ sở pháp lý để triển khai trong thực tiễn. Các nội dung khác của quản lý sản xuất quốc phòng, an ninh giao Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định theo thẩm quyền (khoản 2 Điều 11) để đảm bảo linh hoạt, chủ động, bảo mật. Tiếp thu ý kiến trên, Chính phủ đề xuất phương án sửa tên Mục 2 theo hướng dựa trên nội dung được đề cập nhiều nhất trong mục này như “*Giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu trong sản xuất quốc phòng, an ninh*”.

## **6.2.** UBQPAN có ý kiến: Hoạt động đấu thầu trong CNQP, AN và ĐVCN có tính đặc thù cao, do đó không chỉ tuân thủ các quy định của Luật Đấu thầu mà cần có các quy định riêng về đấu thầu với mặt hàng CNQP, AN, đồng thời đề nghị rà soát kỹ dự thảo Luật để phù hợp với Luật Đấu thầu.

Chính phủ xin giải trình như sau: Các quy định tại Điều 12 và Điều 13 dự thảo Luật được thiết kế đảm bảo hoạt động mua sắm các sản phẩm QPAN do CNQP, CNAN sản xuất, cụ thể được thực hiện theo 02 hình thức: (1) Giao nhiệm vụ, đặt hàng thực hiện theo quy định của Luật này (không theo Luật Đấu thầu) đối với các sản phẩm quốc phòng, an ninh mang tính đặc thù cao như: Vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt...; (2) Đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu đối với các sản phẩm còn lại. Qua rà soát cho thấy, các quy định này phù hợp với Luật Đấu thầu (dự thảo Luật không quy định riêng về trình tự, thủ tục, hình thức đấu thầu mà được thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu), đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

## **6.3.** UBQPAN có ý kiến: Khoản 6 Điều 4 quy định “tránh đầu tư trùng lặp, những gì CNQP làm được thì CNAN không đầu tư và ngược lại”, nên đề nghị rà soát danh mục sản phẩm dịch vụ tại khoản 4 Điều 12 và khoản 4 Điều 13 để tránh trùng lặp.

Tiếp thu ý kiến, Chính phủ đã chỉ đạo Cơ quan soạn thảo rà soát và xin báo cáo như sau: Danh mục sản phẩm, dịch vụ do CNQP, CNAN sản xuất, cung ứng tại khoản 4 Điều 12 và khoản 4 Điều 13 đảm bảo tuân thủ nguyên tắc quy định tại khoản 6 Điều 4. Đồng thời, để đảm bảo tránh trùng lặp sản phẩm tại khoản 8 Điều 62 và khoản 8 Điều 63 của dự thảo Luật đã giao Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục sản phẩm quốc phòng, an ninh do cơ sở CNQP sản xuất phục vụ lực lượng công an.

## **6.4.** UBQPAN có ý kiến:Điều 15 chưa phân biệt rõ trường hợp, điều kiện, thẩm quyền cụ thể quyết định sản phẩm, dịch vụ thực hiện theo phương thức đặt hàng với sản phẩm, dịch vụ thực hiện theo phương thức đấu thầu đối với cơ sở dân sinh, do đó đề nghị rà soát, quy định điều kiện để làm cơ sở xác định Danh mục loại đặt hàng, loại đấu thầu để tránh gây khó khăn, áp dụng không thống nhất.

Tiếp thu ý kiến, Chính phủ đề xuất phương án chỉnh lý Điều 15 để làm rõ trường hợp đặt hàng, đấu thầu sản phẩm, dịch vụ CNQP, AN do cơ sở dân sinh thực hiện như sau:

*“**Điều 15. Đặt hàng, đấu thầu đối với các cơ sở dân sinh*

*1. Cơ sở dân sinh là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều 24 Luật này thì được tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh theo phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu.*

*2. Sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh* ***tại điểm a khoản 1 Điều 23 Luật này thực hiện theo phương thức đấu thầu. Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất được áp dụng phương thức đặt hàng****[[5]](#footnote-5)****.***

***3. Sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh tại điểm g khoản 1 Điều 23 Luật này thực hiện theo phương thức đặt hàng.***

***4. Sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh tại điểm b, c, d, e khoản 1 Điều 23 Luật này thực hiện theo phương thức đấu thầu.****”.*

# 7. Về bảo đảm nguồn lực cho CNQP, AN (Mục 3 Chương II)

## **7.1.** Về nguồn vốn cho phát triển CNQP, AN (Điều 16)

*a)* UBQPAN có ý kiến*: Đề nghị làm rõ tính khả thi trong huy động, sử dụng nguồn từ các quỹ và việc trích lập từ lợi nhuận sau thuế trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN. Theo quy định tại khoản 1, có tới 05 loại quỹ tham gia bảo đảm cho CNQP, AN và ĐVCN nhưng nhiệm vụ và nội dung chi sẽ theo tính chất của từng loại quỹ. Việc trích lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp CNQP, CNAN hiện mới chỉ thực hiện đối với Tập đoàn Viettel, tuy nhiên phải thông qua dự toán ngân sách Nhà nước. Đây là các vấn đề mới, cần tiếp tục được nghiên cứu, tổng kết để luật hóa cho phù hợp; cân nhắc nghiên cứu việc hình thành quỹ chuyên biệt cho CNQP, CNAN.*

Chính phủ xin giải trình như sau: Dự thảo Luật quy định 04 loại quỹ (Quỹ đầu tư và phát triển, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ đổi mới công nghệ, Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao), việc huy động và sử dụng các quỹ này đã được quy định trong các Luật có liên quan; cụ thể: Quỹ đầu tư và phát triển theo Luật Doanh nghiệp; Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ theo Luật Khoa học và Công nghệ; Quỹ đổi mới công nghệ theo Luật Chuyển giao công nghệ; Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao theo Luật Công nghệ cao. Đối với quy định trích lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp, Tập đoàn Viettel đã có báo cáo tổng kết việc sử dụng quỹ này giai đoạn 2017-2022, đã minh chứng được tính hiệu quả của nó, là nguồn lực quan trọng cho phép Tập đoàn Viettel triển khai những dự án nghiên cứu, sản xuất phát triển sản phẩm vũ khí trang bị kỹ thuật, nhất là vũ khí trang bị kỹ thuật công nghệ cao như hệ thống chỉ huy điều khiển C4IRS, hệ thống rađa,... làm chủ các công nghệ lõi, nâng cao tính tự lực, tự cường. Đối với việc hình thành nguồn vốn chuyên biệtcho CNQP, CNAN đã được nghiên cứu kỹ nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn cho các chương trình, dự án đầu tư, nhiệm vụ có tính cấp bách, nghiên cứu, chế tạo vũ khí trang bị chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt; sự cần thiết phải có nguồn vốn này đã được sự thống nhất cao của các Bộ, ngành trong quá trình xin ý kiến, đặc biệt là Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đồng thời, tiếp thu ý kiến cho rằng Luật Ngân sách Nhà nước không có cụm từ “nguồn vốn chuyên biệt”, nên Chính phủ đề nghị giữ nguyên nội dung quy định về nguồn vốn này trong dự thảo Luật và chỉnh lý thành “***nguồn vốn hợp pháp*** *được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định*” cho CNQP, CNAN để đảm bảo tính thống nhất về sử dụng thuật ngữ với luật chuyên ngành.

*b)* UBQPAN có ý kiến*: Tại khoản 4: (1) cần làm rõ tính hợp lý của quy định “trong trường hợp cấp bách được quyết định ứng trước dự toán ngân sách trong các nguồn do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý cho triển khai kịp thời đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng, an ninh”, vì theo Điều 50 Luật Ngân sách Nhà nước không quy định việc ứng trước đối với khoản chi quốc phòng, an ninh; (2) nếu lấy từ các nguồn do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý để chi cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án cấp bách thì không phải là ứng trước dự toán năm sau (vì để được phân bổ thì các khoản chi đã phải được dự toán). Vì vậy, đề nghị làm rõ hơn về quy định này, bảo đảm tính khả thi, thống nhất với Luật Ngân sách Nhà nước.*

Chính phủ tiếp thu, chỉnh lý nội dung này tại khoản 4 Điều 16 dự thảo Luật theo hướng thay cụm từ “*ứng trước dự toán ngân sách*” bằng cụm từ “*điều tiết ngân sách*” và sửa lại thành: “*Trong trường hợp cấp bách Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an* ***điều tiết*** *ngân sách trong các nguồn do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý cho triển khai kịp thời đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng, an ninh*”.

c) Thành viên của UBTVQH và UBQPAN có ý kiến: *(1) Hoàn thiện quy định về nguồn vốn cho phát triển CNQP, AN; rà soát, chỉnh lý các quy định về nguồn lực cho CNQP, AN phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước; nghiên cứu quy định về “nguồn vốn hợp pháp khác” trong đó có cả nguồn vốn dành riêng, theo đó nguồn lực cho CNQP, AN được hình thành từ ngân sách nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước, các khoản cho phép để lại, quỹ khoa học, công nghệ của các doanh nghiệp quốc phòng, an ninh và các nguồn vốn hợp pháp khác; (2) Đề nghị tại Điều 16 gộp điểm b và điểm g khoản 1 thành một khoản quy định nguồn vốn xuất phát từ các loại quỹ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và các loại quỹ khác; đồng thời sắp xếp lại các điểm trong khoản 1 cho phù hợp, dễ hiểu hơn.*

Chính phủ tiếp thu và nghiên cứu, hoàn thiện quy định về nguồn vốn cho phát triển CNQP, AN; đồng thời chỉnh lý khoản 1 Điều 16 như sau: bỏ điểm d, bỏ quy định “vốn vay nước ngoài do Chính phủ bảo lãnh” tại điểm đ; gộp điểm g với điểm b thành điểm b (mới); tại điểm c, thay cụm từ “nguồn vốn chuyên biệt” bằng “nguồn vốn hợp pháp” để phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước; theo đó điểm b và điểm c khoản 1 Điều 16 được chỉnh lý như sau: *“b) Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ,* ***Quỹ đổi mới công nghệ, Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao, các quỹ khác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ;*** *nguồn vốn và các quỹ hợp pháp khác của cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh; c)* ***Nguồn vốn hợp pháp*** *được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định cho các chương trình, dự án đầu tư, nhiệm vụ có tính cấp bách, nghiên cứu, chế tạo vũ khí trang bị chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt*.”.

d) UBTVQH có ý kiến: *Nghiên cứu quy định đặc thù về việc sử dụng Quỹ khoa học, công nghệ của các doanh nghiệp quốc phòng, an ninh để đầu tư cho CNQP, AN.*

Chính phủ tiếp thu và đề xuất phương án cho phép thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tại cơ quan, đơn vị là đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN (khoản 9 Điều 18 dự thảo Luật), qua đó tạo cơ sở pháp lý triển khai điều tiết Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp trong cùng một hệ thống để quy tụ, tích lũy nguồn lực cho triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học đòi hỏi nguồn vốn lớn. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết việc quản lý và sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tại cơ quan, đơn vị là đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (Điều 10 dự thảo Luật).

**7.2.** Về Hoạt động nghiên cứu KHCN (Điều 17); Cơ chế, chính sách trong hoạt động KHCN phục vụ CNQP, AN (Điều 18) và Cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt (Điều 19).

*a)* UBQPAN có ý kiến*: Nội dung các điều trên liên quan đến nhiều Luật chuyên ngành, như: Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Khoa học và công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Doanh nghiệp... do đó, các chính sách về cơ bản phải phù hợp với nguyên tắc chung trong hệ thống pháp luật về khoa học, công nghệ. Một số nội dung cần quy định cụ thể để bảo đảm tính khả thi (như điểm d khoản 1 Điều 17, điểm a khoản 2 Điều 18), cần làm rõ tên Điều 17 “hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ” hay là “hoạt động khoa học và công nghệ” để bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.*

Chính phủ xin báo cáo như sau: Chính phủ xin tiếp thu quan điểm các chính sách tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 cơ bản phải phù hợp với nguyên tắc chung trong hệ thống pháp luật về khoa học, công nghệ; qua rà soát nhận thấy quy định như dự thảo Luật đáp ứng yêu cầu này. Về điểm d khoản 1 Điều 17 (chính sách khuyến khích và có chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia hoạt động KHCN phục vụ xây dựng và phát triển CNQP, AN, thực hiện nhiệm vụ ĐVCN), điểm a khoản 2 Điều 18 (Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, KHCN), Chính phủ đề nghị không quy định cụ thể nội dung tại dự thảo Luật mà sẽ giao Chính phủ quy định chi tiết để đảm bảo tính linh hoạt, khả thi. Về tên gọi Điều 17, do nội dung của Điều này chỉ quy định về hoạt động nghiên cứu, không phải là hoạt động KHCN chung, nên Chính phủ đề nghị giữ nguyên tên gọi là *“Hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ”* như dự thảo.

*b)* UBQPAN có ý kiến*: Đề nghị rà soát các điều 17, 18, 19 để thống nhất nội dung các chính sách (như khuyến khích, ưu đãi, tạo điều kiện), cân nhắc có thể đưa về chung một điều để bảo đảm tính logic, tránh trùng lặp; nhiều nội dung quy định quá chi tiết (như: thành lập Ban chủ nhiệm, trừ chi phí,…).*

Chính phủ xin tiếp thu và chỉnh lý bỏ điểm d khoản 1 Điều 17 để đảm bảo thống nhất nội dung chính sách trong các điều. Theo đó, Điều 17 chỉ quy định về yêu cầu và nội dung của hoạt động nghiên cứu KHCN, không quy định nội dung chính sách, Điều 18 quy định về chính sách chung cho hoạt động KHCN trong lĩnh vực CNQP, AN; còn Điều 19 quy định chính sách đặc thù cho hoạt động KHCN trong lĩnh vực đặc thù của CNQP, AN (phát triển vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ). Đồng thời, bỏ quy định “*thành lập Ban Chủ nhiệm* *đối với Chương trình, Đề án, Dự án khoa học và công nghệ cấp Bộ trở lên*” tại điểm a Điều 19 trong dự thảo Luật.

*c)* Thành viên của UBTVQH vàUBQPAN có ý kiến*: Quy định “Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động KHCN phục vụ CNQP, AN theo nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền phê duyệt ... được miễn trách nhiệm dân sự theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ và loại trừ trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự trong trường hợp xảy ra thiệt hại, rủi ro do nguyên nhân khách quan” tại khoản 7 Điều 18 cần thống nhất với quy định được miễn trách nhiệm dân sự tại điểm d khoản 1 Điều 23 Luật Khoa học và công nghệ và quy định về* *rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ không phải là tội phạm tại Điều 25 Bộ luật Hình sự.*

Chính phủ xin tiếp thu và chỉnh lý khoản 7 Điều 18 như sau: “*7.* *Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt theo nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền phê duyệt được hưởng chính sách miễn trách nhiệm dân sự theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và được loại trừ trách nhiệm hình sự trong trường hợp gây ra thiệt hại do nguyên nhân khách quan, mặc dù đã áp dụng đúng quy trình hoặc biện pháp phòng ngừa theo quy định của pháp luật về hình sự”.*

*d)* UBQPAN có ý kiến*: (1) Quy định “Được thành lập Quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ tập trung từ điều tiết nguồn quỹ và nguồn lợi nhuận sau thuế để lại của các cơ sở sản xuất quốc phòng, an ninh tại cơ quan, đơn vị là đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh” tại khoản 9 Điều 18 cần đánh giá kỹ để phù hợp với Luật Khoa học và công nghệ, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đầu mối thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (là các cơ quan giúp cho các Bộ thực hiện chức năng quản lý); (2) rà soát các quy định về tài chính, thành lập quỹ… để bảo đảm tính khả thi.*

Chính phủ xin giải trình như sau: Với quan điểm tạo cơ chế, chính sách đẩy mạnh tính chủ động cho các đầu mối trong hoạt động KHCN; đồng thời, cho phép tích lũy đủ vốn để triển khai những đề tài, nhiệm vụ đòi hỏi kinh phí lớn, đảm bảo nguồn lực thực hiện xuyên suốt các khâu từ nghiên cứu đến chế thử và sản xuất thử nghiệm cho hoạt động KHCN trong toàn hệ thống. Việc hình thành Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của các cơ quan, đơn vị là đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an là cần thiết. Quỹ này không phải là sự thay thế của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tại doanh nghiệp hay tại Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà là sự bổ sung, tạo tính linh hoạt trong điều phối giữa các Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ để phát huy hiệu quả trong sử dụng các quỹ. Qua đó cho phép tích lũy đủ vốn để triển khai những đề tài, nhiệm vụ đòi hỏi kinh phí lớn, đảm bảo nguồn lực thực hiện xuyên suốt các khâu từ nghiên cứu đến chế thử và sản xuất thử nghiệm cho hoạt động KHCN trong toàn hệ thống. Đây cũng là cơ chế, chính sách để tháo gỡ bất cập trong thời gian qua tại các doanh nghiệp CNQP, doanh nghiệp CNAN, tuy có trích lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ nhưng quy mô nhỏ, khó đáp ứng triển khai những đề tài, nhiệm vụ quan trọng như vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược, do đó cần có sự điều tiết, tập hợp Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của nhiều doanh nghiệp CNQP, AN trong hệ thống (tương tự như sự điều tiết Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ giữa Tập đoàn, Tổng công ty với các đơn vị thành viên; tính hiệu quả của cơ chế, chính sách này đã được thực tiễn chứng minh tại Tập đoàn Viettel).

## **7.3.** Về đất phục vụ CNQP, AN (Điều 22)

Thành viên của UBTVQH vàUBQPAN có ý kiến: *Dự thảo Luật quy định các nội dung về mục đích sử dụng đất, thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất QPAN... nhưng không quy định các nội dung về quản lý, bảo vệ công trình, nhà xưởng, cơ sở QPAN; mặt khác, các nội dung về quy hoạch sử dụng đất, quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự đã được quy định tại nhiều Luật, dự thảo Luật như Luật Quy hoạch, dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi), dự thảo Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự. Vì vậy, đề nghị tiếp tục nghiên cứu, rà soát để quy định bảo đảm thống nhất, đồng bộ với pháp luật có liên quan.*

Chính phủ xin tiếp thu và rà soát, chỉnh lý theo hướng nội dung liên quan đến đất không quy định chi tiết tại dự thảo Luật mà dẫn chiếu các Luật chuyên ngành khác để đảm bảo thống nhất, đồng bộ với pháp luật có liên quan.

## **7.4.** Về huy động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh (Điều 23)

UBTVQH có ý kiến: *Nghiên cứu, quy định cụ thể trong dự thảo Luật về phát triển CNQP, AN kết hợp với công nghiệp dân sinh theo hướng lưỡng dụng, sản phẩm lưỡng dụng sử dụng cho cả quốc phòng, an ninh và dân sinh.*

Chính phủ xin tiếp thu, giải trình như sau: Các cơ chế chính sách về phát triển CNQP, AN theo hướng lưỡng dụng được quy định tại các điều khoản trong dự thảo Luật[[6]](#footnote-6); đồng thời, khoản 2 Điều 23 quy định giao Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *“danh mục công nghệ lưỡng dụng phục vụ CNQP, CNAN được ưu tiên đầu tư phát triển”*, *“danh mục sản phẩm, dịch vụ lưỡng dụng được khuyến khích phát triển”* để đảm bảo rõ ràng về đối tượng của chính sách, thuận tiện khi triển khai trong thực tế.

Tiếp thu ý kiến trên, Chính phủ đã chỉ đạo Cơ quan soạn thảo phối hợp chặt chẽ các cơ quan của Quốc hội tiếp tục nghiên cứu để bổ sung hoàn thiện các nội dung này.

## **7.5.** Về điều kiện tham gia hoạt động CNQP, AN của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (Điều 24)

UBQPAN có ý kiến: *Chuyển khoản 8 vào Nghị định quy định chi tiết vì đây là thủ tục hành chính và sửa lại theo hướng giao “Chính phủ quy định về trình tự thẩm tra điều kiện tham gia hoạt động CNQP, AN của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân”.*

Chính phủ xin tiếp thu và chỉnh lý như sau: Chuyển nội dung khoản 8 Điều 24 hiện tại về điều kiện tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sang Nghị định quy định chi tiết để tổ chức thực hiện. Biên soạn lại nội dung tại khoản 8 Điều 24 dự thảo Luật thành: *“8. Chính phủ quy định về trình tự thẩm tra điều kiện tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân”.*

## **7.6.** Về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động CNQP, AN (Điều 25).

UBQPAN có ý kiến: *Đề nghị bổ sung nội dung “doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường”.*

Chính phủ xin báo cáo như sau: Tại Điều 24 dự thảo Luật có quy định các điều kiện doanh nghiệp phải tuân thủ, trong đó có yêu cầu về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường khi tham gia các hoạt động CNQP, AN. Vì vậy, đề nghị không bổ sung quy định này tại Điều 25.

## **7.7.** Thu hút sự tham gia của các ngành công nghiệp dân sinh

UBTVQH có ý kiến: Đề nghị *nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện các chính sách đặc thù, thu hút sự tham gia của các ngành công nghiệp dân sinh vào hoạt động CNQP, AN*.

Chính phủ xin báo cáo như sau: Các chính sách liên quan đến thu hút sự tham gia của công nghiệp dân sinh vào hoạt động CNQP, AN được quy định tại khoản 6 Điều 18, Điều 23, Điều 24, Điều 25 dự thảo Luật. Tiếp thu ý kiến trên, Chính phủ chỉ đạo Cơ quan soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý theo hướng mở rộng tối đa lĩnh vực tham gia của công nghiệp dân sinh, có chính sách ưu đãi về tín dụng, thuế sử dụng đất trong thời gian trực tiếp thực hiện hoạt động CNQP, AN,…

# 8. Về nguyên tắc tổ chức CNQP, CNAN (Mục 4, Mục 5 Chương II)

## **8.1.** Về hệ thống tổ chức CNQP (Điều 26) và hệ thống tổ chức CNAN (Điều 30)

*a)* UBQPAN có ý kiến: *Đề nghị bổ sung khối doanh nghiệp hậu cần vào danh mục cơ sở CNQP nòng cốt tại điểm a khoản 2 Điều 26; quy định về cơ sở CNQP nòng cốt chưa làm rõ được mô hình, loại hình doanh nghiệp hay đơn vị sự nghiệp như CNAN; cần có các tiêu chí để xác định cơ sở CNQP nòng cốt và cơ sở CNQP chung; làm rõ mối quan hệ giữa các cơ sở CNQP, cơ sở CNAN với mô hình doanh nghiệp quốc phòng, an ninh theo Luật Doanh nghiệp (doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh).*

Chính phủ xin tiếp thu và chỉnh lý, bổ sung cơ sở sản xuất trang bị hậu cần (các đơn vị, doanh nghiệp hậu cần) vào điểm a khoản 2 Điều 26. Về vấn đề mô hình, loại hình doanh nghiệp hay đơn vị sự nghiệp của cơ sở CNQP nòng cốt xin làm rõ như sau: Trong hệ thống các cơ sở CNQP nòng cốt, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo hiện tại là đơn vị sự nghiệp công lập; còn các cơ sở sản xuất là doanh nghiệp. Về tiêu chí để xác định cơ sở CNQP nòng cốt và cơ sở CNQP chung: Tiêu chí cơ sở CNQP nòng cốt và cơ sở CNAN đã được xác định tại khoản 3, khoản 4 Điều 2, gồm: (1) được đầu tư bằng nguồn lực của Nhà nước, nguồn lực của doanh nghiệp Nhà nước; (2) do Bộ Quốc phòng/Bộ Công an quyết định thành lập hoặc được giao quản lý; (3) phục vụ trực tiếp nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; (4) làm nòng cốt trong hoạt động CNQP, AN. Về mối quan hệ giữa các cơ sở CNQP, cơ sở CNAN với mô hình doanh nghiệp quốc phòng, an ninh theo Luật Doanh nghiệp xin được làm rõ như sau: Tất cả các cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN là doanh nghiệp thì đều là doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.

*b)* UBQPAN có ý kiến: *Đề nghị đối với điểm b khoản 1 Điều 26 và điểm b khoản 1 Điều 30 quy định “Cơ quan chuyên trách quản lý nhà nước về CNQP đặt trong tổ chức của Bộ Quốc phòng”, “Cơ quan chuyên trách quản lý nhà nước về CNAN đặt trong tổ chức của Bộ Công an” cần được nghiên cứu, đánh giá kỹ, phù hợp với các quy định về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực và yêu cầu tại Nghị quyết số 08-NQ/TW về nghiên cứu mô hình cơ quan quản lý nhà nước về CNQP hiệu lực, hiệu quả phù hợp với điều kiện đất nước. Việc xác định “Cơ quan chuyên trách” cần phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ cụ thể để quy định trong luật.*

Chính phủ giải trình như sau: Tại Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Pháp lệnh CNQP, Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp, Báo cáo tổng kết kết quả xây dựng và phát triển CNAN từ Đại hội XI đến nay, Báo cáo đánh giá tác động chính sách hồ sơ đề nghị xây dựng Luật đã chỉ ra một trong những bất cập lớn ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về CNQP, CNAN và ĐVCN, đó là còn có sự phân tán về chức năng quản lý nhà nước tại các đầu mối của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Để giải quyết vấn đề đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước về CNQP theo tinh thần tại Nghị quyết số 08-NQ/TW, Chính phủ xin đề nghị quy định rõ trong dự thảo Luật về cơ quan chuyên trách quản lý nhà nước làm cơ sở pháp lý triển khai trong thực tiễn, đảm bảo tập trung, thống nhất. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chuyên trách này được quy định tại khoản 3 Điều 62 và khoản 3 Điều 63 dự thảo Luật.

*c)* UBQPAN có ý kiến: *Dự thảo Luật chia các cơ sở CNQP (khoản 1 Điều 26) theo vị trí, vai trò (cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở công nghiệp động viên và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia hoạt động CNQP); CNAN (khoản 1 Điều 30) lại phân chia theo chức năng, nhiệm vụ (cơ sở nghiên cứu, cơ sơ sản xuất), đồng thời, xác định hình thức hoạt động của CNAN được tổ chức thành đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp trong Công an nhân dân. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu để làm rõ sự khác nhau trong mô hình tổ chức các cơ sở CNQP và CNAN.*

Chính phủ xin báo cáo làm rõ như sau: Sự khác nhau về mô hình tổ chức cơ sở CNQP và cơ sở CNAN là do yếu tố lịch sử và đặc thù về quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Về yếu tố lịch sử, CNQP ra đời gắn liền với cuộc chiến tranh giữ nước, đã hình thành phát triển hơn 78 năm, cơ sở pháp lý là Pháp lệnh CNQP năm 2008, do đó hệ thống cơ sở CNQP không chỉ bao gồm các cơ sở do Bộ Quốc phòng quản lý, mà còn có các cơ sở công nghiệp dân sinh được động viên, huy động. Đối với CNAN ra đời sau, được đề cập lần đầu tiên tại Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI (năm 2011) và cơ sở pháp lý là Luật Công an nhân dân năm 2018, Nghị định số 63/2020/NĐ-CP, hiện nay hệ thống cơ sở CNAN gồm các cơ sở do Bộ Công an quản lý. Về cơ bản, mô hình tổ chức cơ sở CNAN sẽ tương đồng với một phần của cơ sở CNQP, đó là cơ sở CNQP nòng cốt; vì vậy trong dự thảo quy định về tổ chức cơ sở CNAN sẽ có bố cục tương đồng cơ sở CNQP nòng cốt. Việc phân chia các cơ sở CNQP và các cơ sở CNAN đang được kế thừa từ Pháp lệnh CNQP và Nghị định số 63/2020/NĐ-CP.

## **8.2.** Về tái cơ cấu, sắp xếp các cơ sở CNQP nòng cốt (Điều 29) và tái cơ cấu, sắp xếp các cơ sở CNAN (Điều 32)

a) UBQPAN có ý kiến: *Việc cơ cấu, tổ chức hệ thống CNQP, AN cần bám sát Luật Doanh nghiệp, các chiến lược quân sự, QPAN, các đề án, chương trình, kế hoạch phát triển CNQP, AN, do đó cần cân nhắc bỏ 02 điều này; một số ý kiến đề nghị làm rõ việc tái cơ cấu hình thành Tập đoàn CNQP (khoản 2 Điều 29) và hình thành Tổng công ty (khoản 2 Điều 32), vì các loại hình này không được quy định trong Luật Doanh nghiệp, nên chưa có cơ sở.*

Chính phủ xin giải trình như sau: Trong quá trình xây dựng những quy định về tái cơ cấu luôn bám sát chủ trương, quan điểm của Đảng, Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về “*Đẩy mạnh phát triển CNQP đến năm 2030 và những năm tiếp theo*”, Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị về “*Tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 -2030 và những năm tiếp theo*”, Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về “*Đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới*”. Thực tế, Bộ Quốc phòng đang triển khai Đề án 80 về sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước và Bộ Công an đã tổ chức sắp xếp lại bộ máy, trong đó có cơ sở CNAN. Bên cạnh đó, khái niệm về Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước cũng đã được đề cập tại Điều 194 Luật Doanh nghiệp, dự kiến các Tập đoàn CNQP, Tổng công ty của CNAN sẽ có mô hình tương tự. Vì vậy, để thể chế hóa đầy đủ quan điểm của Đảng, tạo cơ sở pháp lý cho triển khai trong thực tiễn, Chính phủ đề nghị giữ quy định về cơ cấu, tổ chức hệ thống CNQP, AN tại dự thảo Luật.

*b)* UBQPAN có ý kiến: *Đề nghị bổ sung quy định về doanh nghiệp QPAN (bao gồm Doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN và Doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN) gắn với các cơ chế đặc thù đối với doanh nghiệp QPAN (trong dự thảo Luật mới chỉ quy định về cơ sở CNQP nòng cốt); có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp QPAN mở rộng và nâng cao năng lực sản xuất, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, nhằm tạo ra các cơ chế, chính sách thuận lợi cho Doanh nghiệp QPAN hoạt động, góp phần thúc đẩy CNQP, AN phát triển.*

Chính phủ xin giải trình như sau: Các cơ chế, chính sách đối với doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh đã được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 16/2023/NĐ-CP ngày 25/4/2023 của Chính phủ về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh. Ngoài ra, có nhiều doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh, doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật CNQP, AN và ĐVCN (như: các doanh nghiệp cổ phần, các công ty xây dựng, các Tập đoàn kinh tế,…). Vì vậy, Chính phủ đề nghị không bổ sung quy định về doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh tại dự thảo Luật này. Về chính sách hỗ trợ cho cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN: Trong dự thảo Luật đã quy định chính sách hỗ trợ bảo lãnh tín dụng (khoản 3 Điều 47), hỗ trợ quỹ khen thưởng và phúc lợi (khoản 8 Điều 47), hỗ trợ lương, phụ cấp (điểm a khoản 1 Điều 50), hỗ trợ xúc tiến thương mại (khoản 3 Điều 60).

# 9. Về động viên công nghiệp (Chương III)

## **9.1.** Về hoàn thiện quy định ĐVCN

a) UBTVQH, UBQPAN có ý kiến: *ĐVCN phải tiến hành ngay trong thời bình nhằm huy động sự tham gia của các doanh nghiệp trong và ngoài Quân đội, huy động được mọi nguồn lực để phát triển CNQP theo hướng lưỡng dụng, hiện đại.*

Chính phủ xin báo cáo như sau:

Trong dự thảo Luật phân định rõ: Chuẩn bị ĐVCN trong thời bình được quy định tại Mục 1 Chương III (từ Điều 33 đến Điều 40) và thực hành ĐVCN khi có lệnh tổng động viên, động viên cục bộ và trong tình trạng chiến tranh tại Mục 2 Chương III (từ Điều 41 đến Điều 46; trong đó nhiệm vụ chuẩn bị ĐVCN phải được tiến hành ngay trong thời bình[[7]](#footnote-7) và là yếu tố quyết định hiệu quả của việc thực hành ĐVCN. Tiếp thu ý kiến trên, Chính phủ chỉ đạo Cơ quan soạn thảo phối hợp chặt chẽ các cơ quan của Quốc hội tiếp tục nghiên cứu để bổ sung hoàn thiện hơn nhằm thu hút được sự tham gia của các doanh nghiệp trong và ngoài Quân đội, huy động được mọi nguồn lực để phát triển CNQP theo hướng lưỡng dụng, hiện đại.

b) UBQPAN có ý kiến: *Cách thức, phương pháp ĐVCN cơ bản chưa có sự đổi mới để phù hợp với thực tiễn. Việc mở rộng đối tượng doanh nghiệp ĐVCN như trong Báo cáo đánh giá tác động và chính sách xây dựng luật (Chính sách 5) chưa được thể hiện rõ trong dự thảo Luật; bổ sung các quy định làm rõ trách nhiệm, cách thức xử lý khi các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ, đặt dây chuyền ĐVCN phá sản hoặc giải thể để không ảnh hưởng đến tài sản nhà nước và nhiệm vụ QPAN.*

Chính phủ tiếp thu và giải trình như sau:

- Cách thức, phương pháp ĐVCN tại dự thảo Luật được xây dựng trên cơ sở luật hóa các quy định còn phù hợp của Pháp lệnh ĐVCN, trên cơ sở đánh giá tiềm lực hiện tại và định hướng phát triển nền công nghiệp quốc gia trong thời gian tới; đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm ĐVCN một số nước; theo đó, đã chỉnh lý và bổ sung một số nội dung cơ bản tại dự thảo Luật, như: Hoàn thiện phương thức thực hiện (bổ sung hình thức đặt hàng, đấu thầu - Điều 14); phân cấp cụ thể trong quản lý, tổ chức thực hiện bảo đảm tập trung, thống nhất, đẩy mạnh phân cấp trách nhiệm cho chính quyền địa phương gắn với nhiệm vụ quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ (khoản 3 Điều 34; điểm c, điểm d, điểm e khoản 4 Điều 35); huy động tối đa mọi nguồn lực (mở rộng đối tượng huy động bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài - khoản 2 Điều 2); mở rộng đối tượng sử dụng sản phẩm ĐVCN, đáp ứng yêu cầu chiến lược bảo đảm trang bị cho Lực lượng vũ trang. Về vấn đề mở rộng đối tượng doanh nghiệp ĐVCN (như trong Báo cáo 182/BC-BQP ngày 19/01/2023 đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng luật) về cơ bản được thể chế hóa tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật.

- Về trách nhiệm, cách thức xử lý khi các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ, xây dựng dây chuyền ĐVCN bị phá sản hoặc giải thể để không ảnh hưởng đến tài sản nhà nước và nhiệm vụ QPAN đã được quy định tại khoản 2 Điều 37 và giao Bộ Quốc phòng quy định chi tiết.

Tiếp thu ý kiến của UBQPAN, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Cơ quan soạn thảo phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung các quy định này cho chặt chẽ, đầy đủ.

c) UBQPAN có ý kiến*: Việc phân cấp, phân quyền chưa được chú trọng, do đó cần có sự đột phá trong giao nhiệm vụ cho từng địa phương, quân khu trong việc xây dựng kế hoạch ĐVCN; đề nghị nghiên cứu, bổ sung chính sách để hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia ĐVCN, nhất là chính sách ưu tiên đặt hàng, miễn giảm thuế cho các doanh nghiệp này.*

Chính phủ tiếp thu và giải trình như sau:

Việc phân cấp, phân quyền trong thực hiện ĐVCN được xây dựng trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức về quân sự, quốc phòng; kế thừa Pháp lệnh ĐVCN và thực tiễn triển khai; dự thảo Luật quy định nội dung này theo hướng: Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương và quân khu chỉ đạo và tổ chức xây dựng kế hoạch ĐVCN của từng cấp, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; xây dựng thực lực, tiềm lực quốc phòng, xây dựng phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ địa phương vững chắc toàn diện (tại Điều 34, Điều 35, Điều 38, Điều 40, Điều 42, Điều 70). Việc quy định các chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia ĐVCN được quy định tại Điều 49 dự thảo Luật.

Tiếp thu ý kiến trên, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Cơ quan soạn thảo phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội rà soát, nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung cho đầy đủ hơn.

## **9.2.** Kế hoạch ĐVCN (Điều 34)

UBQPAN có ý kiến: *Điều 34 dự thảo Luật mới chỉ quy định nội dung của kế hoạch ĐVCN của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và của doanh nghiệp mà chưa quy định về nội dung Kế hoạch nhà nước về ĐVCN, cũng như cơ quan thẩm định Kế hoạch này trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đề nghị nghiên cứu bổ sung những nội dung này để bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện.*

Chính phủ tiếp thu và chỉnh lý nội dung Kế hoạch nhà nước về ĐVCN tại khoản 2 Điều 34 như sau:

“*2. Nội dung Kế hoạch nhà nước về động viên công nghiệp*

***a) Kế hoạch huy động các doanh nghiệp;****”.*

Kế hoạch nhà nước về động viên công nghiệp không tiến hành thẩm định, mà sẽ tiến hành theo quy trình xin ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan để hoàn thiện trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

## **9.3.** Về quản lý, duy trì dây chuyền ĐVCN (Điều 37)

UBQPAN có ý kiến: *Điều này được luật hóa từ Nghị định số 132/2004/NĐ-CP, tuy nhiên còn nặng về thủ tục hành chính, gây khó cho doanh nghiệp ĐVCN. Quy định “Trong thời hạn 20 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày quyết định sáp nhập, chia tách, giải thể, chuyển giao quyền sở hữu cho chủ thể không thuộc đối tượng điều chỉnh của Pháp lệnh ĐVCN” là không phù hợp.*

Chính phủ xin báo cáo như sau: Quá trình quản lý, duy trì dây chuyền ĐVCN theo Nghị định số 132/2004/NĐ-CP không có vướng mắc về thủ tục hành chính và không gây khó khăn cho doanh nghiệp. Tiếp thu ý kiến trên, để bảo đảm tính chính xác, phù hợp của văn bản pháp luật được dẫn chiếu, Chính phủ đề nghị thay cụm từ “Pháp lệnh ĐVCN” bằng cụm từ “pháp luật về ĐVCN” tại điểm d khoản 2 như sau: *“d) Trong thời hạn 20 (ngày làm việc), kể từ ngày quyết định sáp nhập, chia tách, giải thể, chuyển giao quyền sở hữu cho chủ thể không thuộc đối tượng điều chỉnh của* ***pháp luật về động viên công nghiệp****…”*.

## **9.4.** Về kinh phí và nội dung chi cho chuẩn bị ĐVCN (Điều 40) và kinh phí và nội dung chi của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho thực hành ĐVCN (Điều 46)

UBQPAN có ý kiến: *Đề nghị cân nhắc 02 điều này, vì đối với CNQP và CNAN không có quy định riêng về kinh phí và nội dung chi; quy định tại khoản 1 Điều 40 và khoản 1 Điều 46 chưa thống nhất mặc dù cùng là ngân sách nhà nước; quy định “Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật” là chưa cụ thể; việc phân biệt nhiệm vụ chi giữa Bộ Quốc phòng và các Bộ, ngành, địa phương cần phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy định của Luật Ngân sách nhà nước.*

Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

Do ĐVCN có hai giai đoạn khác nhau là chuẩn bị ĐVCN và thực hành ĐVCN nên cần quy định về kinh phí và nội dung chi riêng cho từng giai đoạn. Nội dung 02 Điều này là luật hóa khoản 1 và khoản 2 Điều 22 Nghị định số 132/2004/NĐ-CP (đã thực hiện ổn định, không vướng mắc). Đối với CNQP và CNAN được quy định tại Điều 16 về nguồn vốn cho phát triển CNQP, AN. Tiếp thu các ý kiến trên, Chính phủ đề nghị bỏ cụm từ *“các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật”* tại điểm b khoản 1 Điều 40 và điểm b khoản 1 Điều 46, vì kinh phí chi cho ĐVCN chỉ sử dụng ngân sách nhà nước; đồng thời, tiếp tục chỉ đạo Cơ quan soạn thảo rà soát để quy định nhiệm vụ chi của Bộ Quốc phòng và các Bộ, ngành, địa phương cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và Luật Ngân sách nhà nước.

# 10. Về chế độ chính sách (Chương IV)

## **10.1.** Về chế độ, chính sách đối với cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN (Điều 47)

a)UBQPAN có ý kiến: *Đề nghị tách chế độ, chính sách đối với cơ sở CNQP nòng cốt và cơ sở CNAN cho phù hợp, có trọng tâm, trọng điểm, vì cơ sở CNAN không phải là cơ sở nòng cốt.*

Chính phủ xin báo cáo như sau: Tên gọi cơ sở CNQP nòng cốt và cơ sở CNAN có khác nhau (cụm từ “*nòng cốt*”) nhưng nội hàm tương đồng nhau. Lý do: Cơ sở CNQP nòng cốt và cơ sở CNAN đều là cơ sở được Nhà nước đầu tư và đảm bảo toàn bộ nguồn lực (đối với cơ sở CNAN trực tiếp phục vụ nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật) để trực tiếp phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; danh mục theo quy định đều do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nội hàm tương đồng giữa cơ sở CNQP nòng cốt và CNAN còn được thể hiện rất rõ tại khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 30. Do tính tương đồng như đã nêu, Chính phủ xin đề nghị giữ nguyên chính sách chung cho cả CNQP, CNAN tại Điều 47 như dự thảo.

b) UBQPAN có ý kiến: *Tại khoản 4, theo Luật Đầu tư công thì việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án được thực hiện theo loại dự án (quan trọng quốc gia, nhóm A, nhóm B và nhóm C) và quy định trình tự, thủ tục thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư; theo quy định tại Điều 23 Luật Đấu thầu thì các chương trình, dự án được xác định chứa bí mật nhà nước thuộc trường hợp chỉ định thầu. Do đó, đề nghị bỏ khoản này.*

Chính phủ xin báo cáo làm rõ như sau: Luật Đầu tư công và Luật Đấu thầu đã có quy định về trình tự, thủ tục thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và hình thức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu chứa bí mật nhà nước. Tuy nhiên, thực tế khi áp dụng trong lĩnh vực CNQP, AN có nhiều bất cập, nhất là đối với các chương trình, dự án liên quan đến tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ đối tác nước ngoài. Chẳng hạn, việc lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua sắm trang thiết bị mang tính lưỡng dụng trong dự án “Mật” thực hiện như thế nào,... Đồng thời, điểm a khoản 2 Điều 29 Luật Đấu thầu (sửa đổi năm 2023) đã quy định “Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt” đối với gói thầu có yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh sẽ do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Như vậy, quy định tại khoản 4 Điều 47 dự thảo Luật đảm bảo thống nhất với Luật Đấu thầu. Do đó, Chính phủ xin đề nghị giữ nguyên khoản này trong dự thảo Luật.

*c)* UBQPAN có ý kiến: *Đề nghị cân nhắc các quy định tại khoản 6 để tránh trùng lặp với Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.*

Chính phủ giải trình như sau: Điều 6 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Điều 6 Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng có quy định về Nhà nước đảm bảo quân trang cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp. Tuy nhiên, thực tế do nguồn ngân sách hạn hẹp nên chính sách này chỉ được triển khai trong các đơn vị dự toán hưởng lương từ ngân sách nhà nước, còn đối với các doanh nghiệp quốc phòng, an ninh là đơn vị hạch toán phải tự bảo đảm, tính vào chi phí giá thành sản phẩm. Vì vậy, để phù hợp với thực tế, quy định như khoản 6 Điều 47 là cần thiết; đồng thời, vấn đề này cũng đã được đề cập tại Nghị định số 16/2023/NĐ-CP; sửa đổi quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp (điểm b khoản 1 Điều 7). Từ những kiến giải trên, Chính phủ xin đề nghị giữ nguyên khoản này trong dự thảo Luật.

*d)* UBTVQH có ý kiến: *Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy định tiêu chuẩn, tiêu chí, những chính sách ưu đãi, ưu tiên, đặc thù đối với doanh nghiệp quốc phòng và an ninh, phù hợp với pháp luật có liên quan.*

Chính phủ xin tiếp thu và giải trình như sau: Các chính sách, ưu đãi, ưu tiên, đặc thù đối với cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN được quy định tại khoản 1, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 18, Điều 47, Điều 48, Điều 50, Điều 51 dự thảo Luật. Tuy nhiên, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Cơ quan soạn thảo phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội nghiên cứu để bổ sung hoàn thiện các chính sách này.

## **10.2.** Về chế độ, chính sách đối với cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN tham gia nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt (Điều 48)

UBQPAN có ý kiến: *Đề nghị chỉnh lý lại quy định tại điểm c khoản 1 cho thống nhất với khoản 1 Điều 68 Luật Đấu thầu năm 2023.*

Chính phủ giải trình như sau: Theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 68 Luật Đấu thầu (sửa đổi năm 2023), đối tác nước ngoài có nghĩa vụ nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam để bảo đảm trách nhiệm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng đã ký kết.

Để thực hiện nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt, doanh nghiệp phải ký hợp đồng mua sắm, nhập khẩu hàng hóa của đối tác nước ngoài một số bộ phận khó, phức tạp mang đặc thù về quân sự, an ninh mà trong nước chưa có năng lực sản xuất, chế tạo. Sau khi ký hợp đồng, đối tác có trách nhiệm phát hành bảo lãnh ngân hàng nhằm bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, hiện nay, đối tác nước ngoài không thể thực hiện được nghĩa vụ phát hành các bảo lãnh thực hiện hợp đồng (bảo lãnh thực hiện hợp đồng 2%-10%, bảo lãnh tạm ứng 15%, bảo lãnh bảo hành 5% giá hợp đồng) thông qua tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật Đấu thầu, vì trong lĩnh vực CNQP, AN rất nhiều đối tác nước ngoài chưa mở chi nhánh ngân hàng tại Việt Nam. Do đó, để bảo đảm khả năng thực hiện hợp đồng và hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong lĩnh vực CNQP, AN cần có cơ chế cho phép doanh nghiệp được chấp thuận bảo lãnh do ngân hàng của đối tác nước ngoài phát hành trực tiếp cho doanh nghiệp hưởng lợi, thông báo bằng điện SWIFT thông qua ngân hàng/chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam mà không phải phát hành bảo lãnh đối ứng bởi các tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Vì vậy, Chính phủ xin đề nghị giữ nguyên quy định như dự thảo tại điểm c khoản 1.

## **10.3.** Về chế độ chính sách đối với người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh (Điều 50)

a)UBQPAN có ý kiến: *Đề nghị làm rõ cơ chế trả lương tương xứng cho nhân lực chất lượng cao, đảm bảo thu hút nhân lực bảo đảm chặt chẽ.*

Chính phủ xin báo cáo làm rõ như sau: Về cơ chế trả lương tương xứng cho nhân lực chất lượng cao, trước tiên được thực hiện theo cơ chế đàm phán về lương, thưởng, lợi ích từ kết quả công việc (điểm a khoản 4 Điều 50), tuy nhiên để đảm bảo tính khả thi, chặt chẽ, phù hợp với nguồn lực ngân sách nhà nước thì trong dự thảo giao cho Chính phủ quy định chi tiết về mức lương tối đa khi trả lương từ ngân sách Nhà nước (toàn bộ hoặc một phần) (khoản 6 Điều 51).

b) UBQPAN, UBXH có ý kiến: *Đề nghị bổ sung các chính sách hỗ trợ phù hợp cho lao động nữ trong các cơ sở CNQP, AN, tham gia nhiệm vụ ĐVCN, lao động nữ nuôi con dưới 36 tháng tuổi.*

Chính phủ tiếp thu, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 50 như sau: *“****d) Nhà nước hỗ trợ thực hiện chính sách chăm sóc sức khỏe cho lao động nữ trong các cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh, lao động nữ nuôi con dưới 36 tháng tuổi.****”;* bổ sung trong khoản 1 Điều 52 như sau: “***Nhà nước hỗ trợ thực hiện chính sách chăm sóc sức khỏe cho lao động nữ tham gia nhiệm vụ động viên công nghiệp, lao động nữ nuôi con dưới 36 tháng tuổi****”.* Chính sách này giao Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết mức hỗ trợ. Đồng thời, để đảm bảo vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Luật, cũng đã bổ sung khoản 7 Điều 5 như mục 5 tại Báo cáo này.

## **10.4.** Về chế độ, chính sách đối với chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư trong lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt (Điều 51)

*a)* UBQPAN có ý kiến: *Để đẩy mạnh CNQP, AN nhất là vũ khí trang bị công nghệ cao thì công tác nghiên cứu, sản xuất cũng cần sự tham gia của chuyên gia, nhà khoa học người nước ngoài; nghiên cứu, cân nhắc, bổ sung đối tượng là “chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành là người nước ngoài” được hưởng các chế độ chính sách quy định tại Điều 51 và được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 50.*

Chính phủ báo cáo như sau: Cơ chế, chính sách đối với chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành là người nước ngoài được quy định tại điểm e khoản 4 Điều 50. Các chính sách quy định tại Điều 51 được áp dụng không phân biệt người Việt Nam hay người nước ngoài. Do đó, Chính phủ xin đề nghị giữ nguyên quy định như dự thảo.

*b)* UBTVQH vàUBQPAN có ý kiến: *Đề nghị không nên quy định hưởng chính sách miễn thuế thu nhập cá nhân, nên quy định theo hướng “hưởng chính sách ưu đãi theo pháp luật về thuế”; ý kiến khác đề nghị quy định miễn thuế thu nhập cá nhân đối với chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư trong lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt, không chỉ quy định giảm thuế như dự thảo Luật.*

Chính phủ tiếp thu theo hướng quy định miễn thuế thu nhập cá nhân đối với chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư trong lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt như đề cập trong dự thảo với lý do: (1) đây là đội ngũ có thể tạo ra những đột phá, đổi mới, sáng tạo trong những lĩnh vực CNQP, AN nên cần có chính sách thu hút, trọng dụng, đãi ngộ tương xứng, nhất là chính sách về tiền lương trong bối cảnh có sự cạnh tranh khốc liệt về thị trường lao động nhân lực chất lượng cao; (2) hiện tại trong Luật Thuế thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn chưa có quy định cụ thể về chính sách ưu đãi thuế thu nhập cá nhân đối với chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư. Điều này, dẫn đến hạn chế trong thu hút nhân lực chất lượng cao phục vụ lĩnh vực đặc thù của CNQP, AN trong bối cảnh có sự cạnh tranh khốc liệt về thị trường lao động; (3) đây cũng là một biện pháp bảo đảm giữ bí mật cho những chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư hoạt động trong lĩnh vực đặc thù; việc miễn thuế thu nhập cá nhân sẽ đảm bảo tính bí mật, do cá nhân tham gia các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực đặc thù CNQP, AN không phải khai báo giải trình nguồn thu nhập cá nhân. Mặt khác, cá nhân được hưởng chính sách này có số lượng ít, nên khoản thu nộp vào ngân sách nhà nước không nhiều; (4) lĩnh vực đặc thù của CNQP, AN là những lĩnh vực đòi hỏi thực hiện các nhiệm vụ có cả yếu tố nguy hiểm, không an toàn trong quá trình nghiên cứu, chế tạo và sản xuất.

c) UBTVQH có ý kiến: *Đề nghị cần hoàn thiện chính sách thu hút, sử dụng nhân tài, các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư trong xây dựng, phát triển CNQP, AN.*

Chính phủ tiếp thu và báo cáo làm rõ như sau:

Khoản 4 Điều 50 dự thảo Luật quy định việc trả lương và hưởng các chế độ chính sách ưu đãi đối với chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước làm việc trong các cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN và giao Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn về chế độ, chính sách đối với các đối tượng này. Tiếp thu ý kiến trên, Chính phủ hoàn thiện chính sách thu hút, sử dụng nhân tài, các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư trong lĩnh vực đặc thù của CNQP, AN tại Điều 51 theo hướng: (1) Về giao thẩm quyền khoa học: được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến thực hiện nhiệm vụ, trong đó bao gồm cả sử dụng ngân sách; (2) Về đảm bảo điều kiện và môi trường làm việc: được Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đảm bảo nguồn lực, phương tiện, điều kiện cơ sở vật chất cho thực hiện nhiệm vụ; được tiếp cận thông tin, tư liệu từ các thư viện điện tử, thư viện kỹ thuật quan trọng; sử dụng miễn phí hoặc được hỗ trợ toàn bộ kinh phí sử dụng (trong trường hợp phải trả phí) các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác được đầu tư bằng ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ; được hỗ trợ và tạo điều kiện tham gia các hội thảo chuyên ngành,...; (3) Về lương thưởng: được đàm phán về lương và hưởng lương, thưởng, lợi ích từ kết quả công việc theo thỏa thuận…

*d)* UBQPAN có ý kiến: *Việc xác định mức lương tối đa đối với chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư theo cấp bậc quân hàm hay ngạch bậc công chức là chưa thực sự phù hợp, vì đây là các vị trí đòi hỏi chuyên môn, kỹ thuật cao, do đó nên căn cứ vào vị trí việc làm để quyết định việc trả lương, quy định này cũng phù hợp với đối tượng không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cán bộ công chức.*

Chính phủ tiếp thu và nghiên cứu, rà soát chỉnh lý theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết để đảm bảo linh hoạt, chủ động, bảo mật; theo đó sẽ bỏ điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 và điểm đ khoản 3 Điều 51; đồng thời bổ sung khoản 6 Điều 51 như sau: “*6. Chế độ tiền lương và phụ cấp các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này do Chính phủ quy định*”. Trong Nghị định sẽ nghiên cứu gắn mức tiền lương trả theo vị trí việc làm đảm bảo phù hợp tinh thần của Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

# 11. Về trách nhiệm quản lý nhà nước về CNQP, AN và ĐVCN (Chương VI)

## **11.1.** UBQPAN đề nghị: Sửa lại tên Chương này là “Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về CNQP, AN và ĐVCN”; sửa lại tên Điều 61 là “Nội dung, trách nhiệm quản lý nhà nước về CNQP, AN và ĐVCN”; rà soát lại quy định trách nhiệm của các bộ cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; chỉ quy định trách nhiệm của một số Bộ có tính chất đặc thù về CNQP, AN và ĐVCN, không quy định lại những nội dung đã được quy định tại luật có liên quan hoặc thẩm quyền của Bộ thực hiện theo phân công của Chính phủ.

Chính phủ xin tiếp thu, nghiên cứu, rà soát chỉnh lý các nội dung liên quan theo đề nghị của UBQPAN.

## **11.2.** UBQPAN có ý kiến: Để công tác quản lý nhà nước hiệu quả, hiệu lực, thống nhất với quản lý nhà nước đối với công nghiệp quốc gia, bảo đảm mối liên kết chặt chẽ với công nghiệp dân sinh, đề nghị nghiên cứu thành lập Ủy ban quốc gia về phát triển CNQP, AN và ĐVCN (hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm) với thành phần là các Bộ trưởng; Bộ Quốc phòng, Bộ Công an là cơ quan thường trực có trách nhiệm tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định những vấn đề quan trọng về xây dựng, phát triển CNQP, AN và ĐVCN.

Chính phủ xin giải trình như sau: Hiện nay, Chính phủ đã thành lập Ban chỉ đạo Nhà nước về xây dựng và phát triển CNQP, AN do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ban chỉ đạo, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng làm Phó Trưởng Ban thường trực, Bộ trưởng Bộ Công an làm Phó Trưởng ban (theo Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 20/02/2017) để giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ triển khai chương trình, đề án đẩy mạnh phát triển CNQP, AN nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Đồng thời với ý kiến giải trình của Chính phủ tại mục 2.8 nêu trên, việc thành lập Ủy ban quốc gia về phát triển CNQP, AN và ĐVCN sẽ được nghiên cứu, đề xuất sau khi hình thành được các Tập đoàn CNQP, Tổng công ty CNAN có quy mô, có trình độ khoa học - công nghệ cao. Do đó, Chính phủ xin đề nghị không quy định thành lập Ủy ban quốc gia về phát triển CNQP, AN và ĐVCN trong dự thảo Luật.

# 12. Về một số nội dung khác

## **12.1.** UBTVQH, UBQPAN có ý kiến đề nghị: (1) nghiên cứu xây dựng các chính sách liên doanh, liên kết làm cơ sở định hướng hình thành các tập đoàn, tổng công ty, Tổ hợp CNQP, AN giữ vị trí mũi nhọn về CNQP, AN trên thực tế; (2) nghiên cứu thể chế ngay trong dự thảo Luật về mô hình Tổ hợp CNQP công nghệ cao (nghiên cứu sản xuất các hệ thống vũ khí trang bị hiện đại, công nghệ cao) theo quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị về việc thành lập tổ hợp CNQP, phát triển liên kết CNQP và công nghiệp dân sinh, nhằm liên kết doanh nghiệp quốc phòng với các tổ chức, doanh nghiệp khác trong nghiên cứu, sản xuất, phân phối và duy trì hệ thống vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự.

Chính phủ xin báo cáo như sau: Như đã bổ sung 02 khái niệm về Tổ hợp CNQP tại mục 2.8 nêu trên của Báo cáo này, cụ thể: (1) Tổ hợp CNQP Việt Nam *(Tổ hợp CNQP cấp quốc gia* - *tầm vĩ mô)* là phương thức gắn kết lợi ích và mục tiêu giữa các các chủ thể trong cơ cấu kinh tế, chính trị - xã hội với ba thành tố then chốt là: Giới chính trị (thể chế Nhà nước), giới quân sự (các lực lượng vũ trang là người đặt hàng trực tiếp) và giới công nghiệp (các tập đoàn, công ty, các tổ chức nghiên cứu CNQP). (2) Tổ hợp CNQP công nghệ cao, lưỡng dụng *(tổ hợp CNQP tầm vi mô)* là Tổ hợp CNQP chuyên sâu trong một số lĩnh vực công nghệ quân sự, lưỡng dụng hoặc một nhóm sản phẩm quân sự cụ thể được hình thành trên cơ sở liên kết, hợp tác phân công chuyên môn hóa bằng rất nhiều phương thức và cơ chế linh hoạt khác nhau (thỏa thuận hợp tác dài hạn, đặt hàng, thuê bên ngoài, lập quỹ đầu tư chung, mua bán, sáp nhập, liên doanh,…) nhằm mục tiêu hình thành chuỗi giá trị sản xuất các sản phẩm quốc phòng, an ninh và lưỡng dụng bao quát đồng bộ các khâu từ nghiên cứu - phát triển, thiết kế - công nghệ, chế tạo, lắp ráp - tích hợp, sửa chữa, bảo dưỡng, công nghiệp phụ trợ (sản xuất vật tư, bán thành phẩm vũ khí), công nghiệp sản xuất vật liệu, nguyên nhiên liệu, các dịch vụ kỹ thuật và thương mại quân sự, cung ứng, kho vận… Hiện tại, trên thế giới không có mô hình mẫu về Tổ hợp CNQP “vi mô” và pháp luật về doanh nghiệp của các nước cũng không đề cập đến mô hình doanh nghiệp với tên gọi là Tổ hợp CNQP. Các thành viên của Tổ hợp CNQP “vi mô” là những pháp nhân hoàn toàn độc lập và gắn kết với nhau bằng các thỏa thuận lợi ích chung trong một chuỗi giá trị, trong đó có một tổ chức hạt nhân làm nòng cốt (Tập đoàn, Tổng công ty, viện nghiên cứu) để liên kết các tổ chức pháp nhân khác. Về mô hình “Tổ hợp CNQP công nghệ cao” là mô hình Tổ hợp CNQP “vi mô” trong lĩnh vực công nghệ cao; đây là mô hình mà Bộ Quốc phòng đang giao cho Tập đoàn Viettel nghiên cứu; tuy nhiên, đó không phải là mô hình Tổ hợp CNQP chuyên sâu duy nhất, vì trong tương lai sẽ có các doanh nghiệp hoặc Tập đoàn khác của CNQP Việt Nam cũng trở thành hạt nhân nòng cốt, giữ vị trí mũi nhọn của các chuỗi giá trị sản xuất (tổ hợp) trong các lĩnh vực chuyên sâu khác như đóng tàu quân sự, vũ khí lục quân,… Xu hướng phát triển này sẽ còn có biến động và cần tiếp tục được theo dõi, nghiên cứu trong trung hạn và dài hạn trước khi hình thành các quy định cụ thể trong văn bản Luật.

Với những nội dung báo cáo như trên, Chính phủ đề xuất phương án mô hình Tổ hợp CNQP chỉ đề cập ở mức độ mang tính định hướng (không quy định chi tiết trong dự thảo Luật) làm cơ sở pháp lý để sau này tổ chức thực hiện, cụ thể: (1) tại Điều 2 sẽ bổ sung 02 khái niệm về Tổ hợp CNQP tại khoản 23 và khoản 24 Điều 2 Dự thảo Luật; (2) Tại Điều 26 bổ sung khoản 5 “***5. Mô hình, thành phần tổ chức, cá nhân tham gia Tổ hợp công nghiệp quốc phòng công nghệ cao, lưỡng dụng do Chính phủ quy định***”; (3) Chỉnh lý khoản 2 Điều 29 thành “*Hình thành các Tập đoàn Công nghiệp quốc phòng lưỡng dụng, hiện đại, có trình độ khoa học - công nghệ cao* ***làm hạt nhân nòng cốt xây dựng tổ hợp công nghiệp quốc phòng Việt Nam trên một số lĩnh vực công nghệ quân sự chuyên sâu***”.

## **12.2.** UBTVQH có ý kiến:Nghiên cứu, bổ sung các nguyên tắc về ưu đãi, miễn giảm thuế để làm cơ sở cho pháp luật về thuế có quy định cụ thể.

Chính phủ tiếp thu và giải trình như sau: Trong dự thảo Luật các quy định về chính sách miễn, giảm thuế, phí chỉ quy định khung và dẫn chiếu đến quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí[[8]](#footnote-8), đã tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Cơ quan soạn thảo phối hợp các cơ quan của Quốc hội nghiên cứu bổ sung nguyên tắc ưu đãi, miễn giảm thuế để làm cơ sở cho pháp luật về thuế có quy định cụ thể.

Ngoài nội dung tiếp thu, giải trình những ý kiến cơ bản nêu trên, UBTVQH, UBQPAN và các cơ quan khác của Quốc hội còn tham gia ý kiến cụ thể về một số từ ngữ và kỹ thuật văn bản, bố cục, Chính phủ sẽ chỉ đạo Cơ quan soạn thảo phối hợp chặt chẽ với UBQPAN và cơ quan có liên quan của Quốc hội tiếp tục rà soát, nghiên cứu, tiếp thu tối đa để chỉnh lý dự thảo Luật bảo đảm tính logic, tính thống nhất trong hệ thống pháp luật và tính khả thi khi Luật được ban hành.

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến thẩm tra sơ bộ về dự án Luật CNQP, AN và ĐVCN của Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội, Chính phủ trân trọng báo cáo Uỷ ban Thường vụ Quốc hội./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng (để báo cáo);  - Văn phòng Quốc hội;  - Tổng Thư ký Quốc hội;  - Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội;  - Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;  - Bộ Tư pháp;  - Bộ Quốc phòng;  - Bộ Công an;  - VPCP: BTCN, PCN Cao Huy;  các Vụ, Cục: NC, QHĐP, KSTTHC  - Lưu: VT, PL(32). | **TM**. **CHÍNH PHỦ**  **TUQ. THỦ TƯỚNG**  **BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG**  **Đại tướng Phan Văn Giang** |

1. Nghị quyết Đại hội XI, XII, XIII; Các Nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị; Kết luận của Bộ Chính trị về CNQP, CNAN (Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “*Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*”; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “*Định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*”; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về “*Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*”; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị về “*Chiến lược Quốc phòng Việt Nam*”; Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về “*Đẩy mạnh xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới*”). Ngoài ra, Bộ Chính trị đã ban hành các Nghị quyết chuyên đề về phát triển CNQP như: Nghị quyết số 27/BCT ngày 16/6/2003, Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 16/7/2011, Nghị quyết số 08-NQ/TW; CNAN có Thông báo Kết luận số 142-TB/TW ngày 08/8/2013. [↑](#footnote-ref-1)
2. Như: Viện dẫn đến Luật Khoa học và Công nghệ tại khoản 7, khoản 9 Điều 18, điểm đ khoản 4 Điều 50; viện dẫn đến các luật về thuế tại khoản 5 Điều 47, điểm c khoản 2 Điều 49, điểm đ khoản 2 Điều 57, điểm c khoản 2 Điều 58, khoản 4 Điều 59,… [↑](#footnote-ref-2)
3. Khoản 1 Điều 12 Luật Quốc phòng quy định: “Công nghiệp quốc phòng, an ninh là bộ phận của công nghiệp quốc gia, một phần quan trọng của thực lực, tiềm lực quốc phòng, an ninh, là ngành đặc thù, có nhiệm vụ...”. [↑](#footnote-ref-3)
4. Như: Thông tư số 132/2015/TT-BQP ngày 25/11/2015 của Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế quản lý sản xuất quốc phòng đối với các cơ sở CNQP nòng cốt; Điều lệ đảm bảo công nghệ sản xuất quốc phòng trong Quân đội nhân dân Việt Nam… [↑](#footnote-ref-4)
5. Một số sản phẩm, dịch vụ thực hiện theo phương thức đặt hàng như: Đặt hàng thực hiện dịch vụ nghiên cứu, chế tạo một chi tiết, vật tư, bán thành phẩm đặc chủng của sản phẩm quốc phòng, an ninh; dịch vụ đo lường, kiểm định thông số kỹ thuật chuyên biệt của sản phẩm quốc phòng, an ninh,… [↑](#footnote-ref-5)
6. Như: Khoản 4 Điều 4, khoản 3 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 17, khoản 2 Điều 23, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 47, khoản 3 Điều 53, khoản 3 Điều 55, Điều 59, điểm c khoản 2 Điều 60,… dự thảo Luật [↑](#footnote-ref-6)
7. Như: Khảo sát nắm chắc năng lực của các doanh nghiệp làm cơ sở xây dựng kế hoạch, giao chỉ tiêu ĐVCN (theo các tình huống quốc phòng) cho các cấp; xây dựng, hoàn chỉnh, giao chỉ tiêu sản xuất, sửa chữa sản phẩm ĐVCN, bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị để duy trì năng lực của các dây chuyền ĐVCN; diễn tập nâng cao khả năng sẵn sàng động viên khi có lệnh; dự trữ vật tư; chuẩn bị địa điểm di chuyển cho doanh nghiệp khi phải di chuyển... Nhu cầu ĐVCN như: Số lượng doanh nghiệp cần huy động, chỉ tiêu từng chủng loại sản phẩm ĐVCN, công tác bảo đảm vật tư, dự kiến ngân sách, trách nhiệm tổ chức thực hiện theo từng tình huống được xác định cụ thể trong Kế hoạch ĐVCN của từng cấp, được phê duyệt và thực hiện khi có quyết định ĐVCN. [↑](#footnote-ref-7)
8. Như: Khoản 6 Điều 18; khoản 5 Điều 47; điểm d khoản 1 Điều 49; điểm c khoản 2 Điều 49; điểm e khoản 4 Điều 50; điểm c khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 2 Điều 57; điểm c khoản 2 Điều 58; điểm a khoản 4 Điều 59. [↑](#footnote-ref-8)